

Họ và tên:lớp:

ÔN GIỮA HỌC KỲ I TOÁN 6 – NH 2024-2025

TRẮC NGHIỆM

- Câu 1:** Tích $5.5.5.5$ được viết dưới dạng lũy thừa là:
A. 4^5 . **B.** 5^4 . **C.** 5.4 . **D.** 5^5 .
- Câu 2:** Cho các số: 2; 5; 6; 4. Trong các số đã cho, ước của 15 là:
A. 6. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 5.
- Câu 3:** Cho các số: 362; 124; 963; 148. Trong các số đã cho, có bao nhiêu số chia hết cho 2?
A. 2. **B.** 4. **C.** 1. **D.** 3.
- Câu 4:** Cho tập hợp $P = \{1; 2; 3\}$. Trong các khẳng định sau, khẳng định đúng là:
A. $1 \in P$. **B.** $2 \notin P$. **C.** $3 \notin P$. **D.** $0 \in P$.
- Câu 5:** Cho các số: 11; 15; 26; 12; 31. Trong các số đã cho, có bao nhiêu số là hợp số?
A. 2. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 3.
- Câu 6:** Logo của hãng xe ô tô Nhật Bản Mitsubishi với biểu tượng "Ba viên kim cương" đã gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của công ty được sử dụng từ năm 1964. Hỏi, trong thiết kế logo Mitsubishi được tạo nên bởi 3 hình gì? (hình vẽ minh họa dưới đây)



- A.** Hình thoi. **B.** Hình chữ nhật. **C.** Hình tam giác. **D.** Hình vuông.
- Câu 7:** Trong các biển báo giao thông sau, biển báo nào có hình dạng là tam giác đều?
- 

Biển báo 1



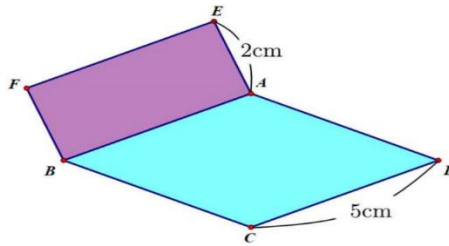
Biển báo 2



Biển báo 3



Biển báo 4
- A.** Biển báo 3. **B.** Biển báo 4. **C.** Biển báo 1. **D.** Biển báo 2.
- Câu 8:** Cho các số: 17; 28; 27; 49. Trong các số đã cho, số nguyên tố là:
A. 17. **B.** 28. **C.** 27. **D.** 49.
- Câu 9:** Cho các số: 125; 413; 718; 942. Trong các số đã cho, số chia hết cho 5 là:
A. 718. **B.** 125. **C.** 942. **D.** 413.
- Câu 10:** Giá trị của biểu thức $79 + 114 + 21 + 86$ bằng:
A. 300. **B.** 190. **C.** 310. **D.** 290.
- Câu 11:** Cho hình chữ nhật $ABFE$ và hình thoi $ABCD$ $CD = 5\text{cm}$ và $AE = 2\text{cm}$. Diện tích của hình chữ nhật $ABFE$ bằng:



- A. 14cm^2 . B. 7cm^2 . C. 10cm^2 . D. 5cm^2 .

Câu 12: Một hình chữ nhật và hình thoi có chu vi bằng nhau. Biết chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật lần lượt bằng 8cm và 6cm. Độ dài cạnh của hình thoi bằng:

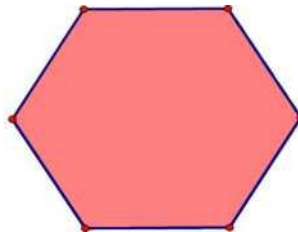
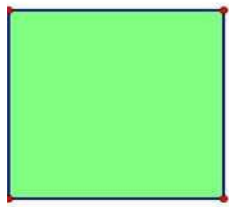
- A. 14cm. B. 7cm. C. 28cm. D. 7,5cm.

Câu 13: Giá trị của biểu thức $36.29 + 36.71$ bằng:

- A. 3600. B. 360. C. 3240. D. 36000.

Câu 14: Một hình vuông và một hình lục giác đều có chu vi bằng nhau. Biết rằng độ dài cạnh hình vuông bằng 6cm, độ dài cạnh của lục giác đều bằng:

- A. 8cm. B. 6cm. C. 4cm. D. 5cm.



Câu 15: Trong các số dưới đây, bội chung của 12 và 20 là:

- A. 24. B. 48. C. 40. D. 60.

Câu 16: Tập hợp tất cả các ước chung của 20 và 30 là:

- A. $\{4; 5; 15\}$. B. $\{1; 2; 5; 10\}$. C. $\{1; 2; 3; 5\}$. D. $\{1; 3; 5\}$.

Câu 17: Cho M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 5. Khẳng định dưới đây **đúng** là:

- A. $M = \{0; 1; 2; 3; 4; 5\}$ B. $M = \{0; 1; 2; 3; 4\}$
C. $M = \{1; 2; 3; 4; 5\}$ D. $M = \{1; 2; 3; 4\}$

Câu 18: Cho tập hợp $A = \{x | x \text{ là số tự nhiên chẵn}, x < 20\}$. Khẳng định dưới đây **đúng** là:

- A. $17 \in A$ B. $20 \in x$ C. $10 \in x$ D. $12 \notin x$

Câu 19: Biết $157 - x = 57$, giá trị của x là

- A. $x = 100$ B. $x = 214$ C. $x = 114$ D. 10

Câu 20: Đối với biểu thức không có dấu ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, lũy thừa, thì thực hiện phép tính đúng là:

- A. Lũy thừa $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Cộng và trừ.
B. Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ
C. Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia $\rightarrow$ Lũy thừa.
D. Lũy thừa $\rightarrow$ Cộng và trừ $\rightarrow$ Nhân và chia.

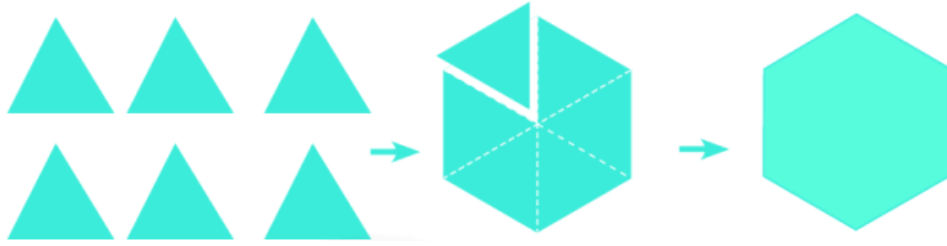
Câu 21: Cho hình vuông ABCD. Khẳng định sai là:

- A. Hình vuông ABCD có bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$
B. Hình vuông ABCD có bốn góc ở đỉnh: A, B, C, D bằng nhau.
C. Hình vuông ABCD có hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.
D. Hình vuông ABCD có hai cặp cạnh đối song song: AB và BC; CD và DA.

Câu 22: Tam giác đều ABC có chu vi bằng 12 cm. Độ dài cạnh BC là:

- A. 2cm B. 3cm C. 4cm D. 6cm

Câu 23. Người ta xếp 6 tam giác đều có chu vi 9cm thành một hình lục giác đều. Chu vi của lục giác đều mới là:

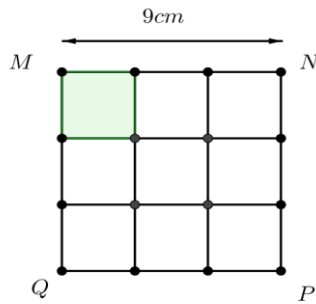


- A. 18 cm B. 27 cm C. 36 cm D. 54 cm

Câu 24. Hình vuông ABCD có chu vi là 20 cm . Diện tích của hình vuông ABCD là:

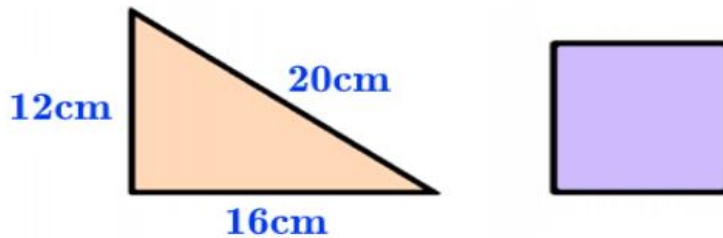
- A. 100 cm^2 B. 16 cm^2 C. 36 cm^2 D. 25 cm^2

Câu 25. Xếp 9 mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau tạo thành hình vuông MNPQ. Biết $MN = 9\text{cm}$. Diện tích của hình vuông nhỏ là:



- A. 9 cm^2 B. 1 cm^2 C. 12 cm^2 D. 81 cm^2

Câu 26. Tam giác và hình vuông bên dưới có chu vi bằng nhau. Độ dài cạnh của hình vuông bằng:



- A. 8 cm B. 12 cm C. 16 cm D. 24 cm

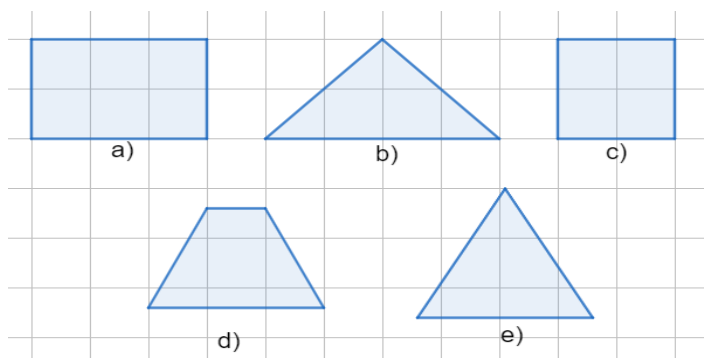
Câu 27. Số nào dưới đây là một bội chung của 3; 4; 5?

- A. 120. B. 190 C. 145 D. 150

Câu 28. ƯCLN(16, 40, 176) bằng:

- A. 4 B. 16 C. 10 D. 8

Câu 29: Trong các hình sau, hình nào là hình vuông?



- A. Hình a B. Hình b C. Hình c D. Hình d

Câu 30. Yếu tố nào sau đây không phải của hình chữ nhật?

- A. Hai cặp cạnh đối diện song song B. Có 4 góc vuông
C. Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau D. Hai đường chéo vuông góc với nhau

Câu 31. Một mảnh đất hình bình hành có các cạnh lần lượt là 3m và 5m. Chu vi của mảnh đất đó

- A. 8 m; B. 15m; C. 16m; D. 18m.

Câu 32. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 60m. Diện tích mảnh vườn đó là:

- A. 720 m^2 B. 720 dm^2 C. 72 m^2 D. Một kết quả khác

Câu 33: Thứ tự thực hiện các phép tính đối với biểu thức có dấu ngoặc là :

- A. $() \rightarrow \{ \} \rightarrow []$. B. $[] \rightarrow \{ \} \rightarrow ()$.
C. $() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}$. D. $\{ \} \rightarrow [] \rightarrow ()$.

Câu 34: Thực hiện phép tính: $268 + 45 + 132 + 55$

- A. 400 B. 300 C. 200 D. 500

Câu 35: Thực hiện phép tính: $8.4^2 - 63:3^2 + 11$

- A. 83 B. 68 C. 132 D. 75

Câu 36: Tìm x biết: $x - 32 = 18$

- A. $x = 14$. B. $x = 60$. C. $x = 50$. D. $x = 40$.

Câu 37: Tìm x biết: $x - 72 = 3^2.3^3$

- A. $x = 12$. B. $x = 1$. C. D. $x = 315$.

Câu 38: Một giá sách chứa được 15 quyển. Để chứa hết 210 quyển sách, trường cần bao nhiêu giá sách?

- A. 3150 B. 14 C. 195 D. 225

Câu 39: Bạn An đi nhà sách mua 3 cây bút bi cùng loại và 6 quyển tập cùng loại. Biết giá tiền một quyển tập là 10 000 đồng. Bạn đưa chị thu ngân tờ 200 000 đồng và được chị trả lại 125 000 đồng. Hỏi giá tiền của 1 cây bút mà bạn An đã mua là bao nhiêu?

- A. 5 000 đồng B. 10 000 đồng C. 60 000 đồng D. 500 đồng

PHẦN TỰ LUẬN

ĐỀ 1

Bài 1: Thực hiện phép tính

- a) $7^8: 7^6 - 2^2.1^{2023} + 15$ b) $23 - [(37 + 13): 5^2]$

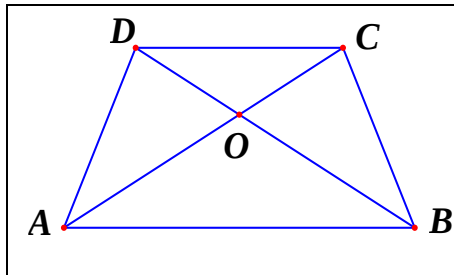
Bài 2 : Tìm x, biết

- a) $3x + 8 = 26$ b) $5. (37 - x) = 100$

Bài 3: a) Tìm ƯCLN (120; 48) và BCNN(30;45)

b) Học sinh khối 6 của một trường khi xếp hàng 18 bạn, 21 bạn và 24 bạn một hàng đều vừa đủ hàng, biết rằng số học sinh trong khoảng từ 450 đến 600. Tìm số học sinh khối 6 của trường đó?

Bài 4: Cho hình thang cân như hình vẽ sau:



- a) Kể tên các cạnh đáy và các cạnh bên
b) Cho $BD = 6$ cm, $BC = 4$ cm. Tính AC , AD

Bài 5: Bà Hậu đi siêu thị mua thực phẩm, mua 3kg thịt với giá 120 000 đ/kg; mua 2kg cá giá 50 000 đ/kg; 10 quả trứng giá 3 500 đ/quả và các loại rau, củ, quả hết 220 000 đ. Ngoài ra khẩu trang y tế mỗi hộp giá 35 000đ nếu mua 2 hộp tặng 1 hộp, Bà Hậu cần thêm 3 hộp khẩu trang y tế. Hỏi tổng số tiền bà Hậu đi chợ mua hàng hết bao nhiêu?

Đề 2:

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $6^2 : 4.3 + 2.5^2 - 3^{17} : 3^{15}$ b) $272 - 2. [10^2 : (9+2^0)]$

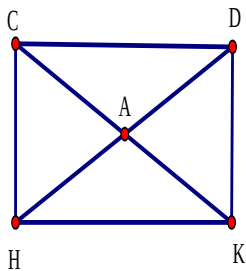
Bài 2: Tìm x

a) $4x + 10 = 90$ b) $(19 + x).7 = 210$

Bài 3: a) Tìm ƯCLN (16,24) và BCNN(28, 40)

b) Tan học, Quỳnh và Khánh cùng đi ra bến xe buýt để về nhà. Khi đến bến xe buýt thì cả hai xe mà hai bạn cần đi đều vừa chạy mất cùng một lúc. Hai bạn ngồi nói chuyện để chờ xe buýt tiếp theo tới. Bảng thông cho biết xe buýt mà Quỳnh cần đi phải sau 12 phút nữa mới tới, còn xe Khánh đi cần chờ 18 phút. Vậy phải chờ bao nhiêu phút thì cả hai xe mà hai bạn đi đến bến cùng một lúc?

Bài 4: Cho hình vuông CDKH như hình vẽ



- a) Nêu tên các cạnh và các đỉnh
b) Cho $CD = 5$ cm, $CK = 7$ cm. Tính CH , DH

Bài 5: Bác An một ngày bán hai mặt hàng (như bảng sau) với mục tiêu một ngày số tiền lãi thu được 300 000 đồng. Hỏi một ngày bác An được bao nhiêu tiền lãi ?

STT	Tên hàng	Số lượng bán/ngày	Giá vốn	Giá bán
1	Bánh mì thịt	41 ổ	11 500đ/ ổ	15 000đ/ổ
2	Bún thịt nướng	34 hộp	15 000 đ/hộp	22 000đ/hộp

ĐỀ 3

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $3 \cdot 5^2 - 16 : 2^2$

b) $250 : [24 + (2^4 - 60 : 4)^5]$

Bài 2: Tìm x

a) $3x - 38 = 40$

b) $(20 - x) : 5 = 4$

Bài 3: a) Tìm ƯCLN(60; 150) và BCNN(40; 70)

b) Số học sinh khối 6 của trường Kết Đoàn khoảng từ 300 đến 400 học sinh. Mỗi lần xếp hàng 12, hàng 15, hàng 18 đều vừa đủ. Hỏi khối 6 của trường Kết Đoàn có bao nhiêu học sinh.

Bài 4: Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài 60 m, chiều rộng kém chiều dài 12 m. Tính chu vi và diện tích mảnh vườn ?

Bài 5:

Trong dịp "Hội xuân 2020", để gây quỹ giúp đỡ các bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn, lớp 6A bán hai mặt hàng (như bảng ở cột bên) với mục tiêu số tiền lãi thu được là 500 000 đồng.

STT	Tên hàng	Số lượng đã nhập	Giá nhập	Giá bán
1	Trà sữa	100 li	16 500 đồng/li	20 000 đồng/li
2	Dừa	70 quả	9 800 đồng/quả	15 000 đồng/quả

Trong thực tế các bạn đã bán được số lượng hàng như sau: trà sữa bán được 93 li, dừa bán được 64 quả.

Hỏi lớp 6A đã thu được bao nhiêu tiền lãi?

Lớp 6A có hoàn thành mục tiêu đã đề ra không?

ĐỀ 4

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) $24 : 2^2 + 1^{2019}$

b) $3^2 \cdot 5 + [131 - (26 - 16)^2]$

Bài 2: Tìm x, biết.

a) $7x - 33 = 58$

b) $8 \cdot (x + 9) = 96$

c) $231 - 5x = 2^{2020} : 2^{2020}$

Bài 3: a) Tìm ƯCLN(45,105) và BCNN(80; 100)

b) Đề góp phần vào việc bảo vệ môi trường và giúp trường ngày càng xanh, sạch, đẹp hơn. Lớp 6A đã tặng trường một số cây xanh, biết rằng số cây đó là một số tự nhiên nhỏ nhất khác 0 và khi đem trồng thành 2 hàng, 4 hàng hay 5 hàng đều vừa đủ (mỗi hàng trồng số cây như nhau). Tính số cây xanh của lớp 6A mang đến tặng cho trường?

Bài 4: Một hình chữ nhật có chiều rộng 6cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính Chu vi và diện tích mảnh đất đó ?

Bài 5: Đầu năm học mẹ cho Ngọc 50000 đồng để mua đồ dùng học tập. Ngọc mua 5 cây viết bi giá 6000 đồng 1 cây, 2 cây viết chì giá 5000 đồng 1 cây, 1 đồ vuốt bút chì giá 4000 đồng, 1 cục gôm giá 4000 đồng. Hỏi Ngọc còn lại bao nhiêu tiền đem về trả mẹ?